

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01

Tổ : 001

Trang 1/3

Mã nhận dạng 04253

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kế toán nông nghiệp-208374

Ngày Thi : 20/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD103

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12363151	NGUYỄN HỒ BẢO	CD12CA	<i>B</i>			20	1,9	7,6	9,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	11363115	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	CD11CA	<i>nch</i>				1,2	5,0	6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	12363163	VŨ TIẾN DŨNG	CD12CA	<i>Dung</i>				1,8	7,2	9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	12363263	TRẦN THỊ MỸ DUYỀN	CD12CA								(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	12123017	NGUYỄN KINH ĐÔ	DH12KE	<i>Đô</i>				1,4	5,6	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	12123113	NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU	DH12KE	<i>ngoc</i>				0,8	3,2	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	11123008	LÊ THỊ ĐÔNG HÀN	DH11KE	<i>han</i>				1,4	5,8	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	12363211	PHẠM THỊ MỸ HẠNH	CD12CA	<i>Hanh</i>				0,1	0,3	0,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	12123120	NGUYỄN PHÚC HẬU	DH12KE	<i>Hau</i>				2,0	8,0	10,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	12123128	THÔNG THỊ NGỌC HUYỀN	DH12KE	<i>Huyen</i>				1,1	4,5	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	12363231	TRẦN THỊ KIM HUYỀN	CD12CA	<i>k</i>				0,8	3,2	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	11123016	VŨ THỊ THU HƯƠNG	DH11KE	<i>thu</i>				1,7	6,8	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	12123130	NGUYỄN THỊ VÂN KHANH	DH12KE	<i>van</i>				0,9	3,7	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	12363082	ĐẶNG THỊ THANH LAM	CD12CA	<i>tlam</i>				1,9	7,9	9,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	12363235	VÕ THỊ LY	CD12CA	<i>ly</i>				2,0	8,0	10,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	12363068	TRẦN THỊ THÚY MY	CD12CA	<i>thu</i>				1,7	7,2	8,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	12123148	NGUYỄN HUỲNH BẠCH NGÀ	DH12KE	<i>n</i>				0,8	3,2	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kế toán nông nghiệp-208374

Ngày Thi : 20/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD103 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12123158	HỒ THANH NHẬT	DH12KE				20 80	1,8 7,2 9,0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	12363190	LÊ THỊ SƯƠNG	CD12CA					1,9 7,6 9,5		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	12363340	TRẦN THỊ TÂM	CD12CA					2,0 8,0 10,0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☒ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	12123255	HUỖNH THỊ HỒNG	DH12KE					1,5 6,1 7,6		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	11363002	HOÀNG THỊ NGỌC	CD11CA							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	12123301	TRẦN THỊ KIM	DH12KE					2,0 8,0 10,0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☒ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	11123046	VÕ THỊ THOẠI	DH11KE					1,9 7,7 9,6		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	12363043	HOÀNG THỊ THU	CD12CA					1,4 6,0 7,4		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	12363114	LÊ VĂN TÍNH	CD12CA					1,8 7,2 9,0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	12363301	LÊ NGỌC TRANG	CD12CA					1,8 7,2 9,0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	11123050	LÊ THỊ QUỲNH	DH11KE					1,9 7,6 9,5		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	12363137	NGUYỄN BẢO TRẦN	CD12CA					1,9 7,7 9,6		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	12363232	PHAN THỊ BẢO TRẦN	CD12CA					1,0 4,0 5,0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	12363214	NGUYỄN HOÀNG ÁNH	CD12CA					1,6 6,4 8,0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	12363149	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	CD12CA					1,9 7,9 9,8		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9

Số lượng vắng: 2 Hiện diện: 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phan Thị Lệ Hằng

Nguyễn Minh Tâm

Lê Thanh Loan

Lê Văn Tôn